

NEW VOCABULARY

paint (v)	tô, sơn
play the guitar (v)	chơi đàn ghi-ta
remember (v)	nhớ ngày tháng
ride (v)	cưỡi ngựa, lái xe, đạp xe
sail (v)	lái / chèo thuyền buồm
skate (v)	trượt ván, trượt pa-tin
speak (v)	nói
arm (n)	cánh tay
ear (n)	tai
eye (n)	mắt
face (n)	khuôn mặt
foot / feet (n)	bàn chân / 2 bàn chân
hair (n)	tóc
hand (n)	bàn tay
head (n)	đầu
leg (n)	chân
mouth (n)	miệng
nose (n)	mũi
tooth / teeth (n)	1 cái răng / nhiều cái răng
opposite (prep)	ở đối diện
behind (prep)	ở phía sau

GRAMMAR

	Structure	Example
Can & Can't *can = có thể / biết làm gì *can't = không thể / không biết làm gì	Subject + can / can't + V0	He can swims. ✗ He can swim. ✓ She can to cook. ✗ She can cook. ✓ They can played the guitar. ✗ They can play the guitar. ✓
Question with can	Can + subject + V0? → Yes, S + can → No, S + can't	Can you swim? Can he ride a horse? Can she play the guitar? Can they speak Italian?